

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2025

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con và
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Trung.

2. Ông Trần Thanh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9
– Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên
tòa:** Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T (tên gọi khác: Đ), sinh năm: 1994; Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Hà Thị Cẩm G, sinh năm: 1999; Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2025 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Sau thời gian tìm hiểu ông và bà Hà Thị Cẩm G đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 26/11/2021. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống không đồng thuận, vợ chồng ông đã sống ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay.

Ông T thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà G.

2. *Về con chung:* Trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 10/4/2023, giới tính: nữ. Khi vợ chồng sống ly thân thì bà G là người nuôi con chung. Nay ông đồng ý giao con chung cho bà Cẩm G trực tiếp nuôi dưỡng và ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung*: Khi tổ chức đám cưới cha mẹ ruột của ông là ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị L có cho ông và bà G 10 chỉ vàng 24 kara, gồm: 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay 04 chỉ vàng 24 kara và 01 đôi bông tay 01 chỉ vàng vàng 24 kara. Ngoài ra, còn có cho 01 bộ vòng xi men 06 chỉ vàng 18 kara, 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18 kara.

Hiện nay, bà G là người đang quản lý toàn bộ số tài sản trên. Ông T yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24 kara, ông được nhận 05 chỉ vàng 24 kara

4. *Về nợ chung*: Vợ chồng ông T không có nợ người khác hoặc người khác nợ vợ chồng.

Bị đơn bà Hà Thị Cẩm G vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày:

Bà thừa nhận lời trình bày của ông T là đúng sự thật về việc tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn và con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, thời gian sau này bà và gia đình chồng có mâu thuẫn nên bà về nhà cha mẹ ruột bà sinh sống từ tháng 10/2024 cho đến nay.

Về tài sản: Khi tổ chức lễ cưới thì cha mẹ chồng có cho riêng bà 1 chỉ vàng 24 kara, gồm: 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay 04 chỉ vàng 24 kara và 01 đôi bông tay 01 chỉ vàng vàng 24 kara, số vàng trên hiện nay bà đang quản lý.

Nay bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Minh T; Về con chung: bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 10/4/2023, giới tính: nữ và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản: bà không đồng ý chia 10 chỉ vàng 24 kara do đây là tài sản riêng của bà; Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ người khác hoặc người khác nợ vợ chồng.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Năm 2021, ông có cho ông Nguyễn Minh T, bà Hà Thị Cẩm G 10 chỉ vàng 24 kara (01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay 04 chỉ vàng 24 kara và 01 đôi bông tay 01 chỉ vàng vàng 24 kara) và 07 chỉ vàng 18 kara (01 bộ vòng xi men 06 chỉ vàng 18 kara, 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18 kara). Vàng 24 kara là ông cho chung ông T, bà G để có vốn làm ăn, còn vàng 18 kara là ông cho riêng bà G.

Người làm chứng ông Ngô Anh T2 trình bày:

Năm 2021, ông có làm chủ hôn cho ông T2, bà G. Ông đại diện trưởng tộc họ nhà trai trình 06 mâm lễ và 10 chỉ vàng 24 kara, đây là số vàng phía nhà trai cho vợ chồng ông T2, bà G để có vốn làm ăn.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Vợ chồng ông T2, bà G có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ và đã sống ly thân từ tháng 10/2024. Đồng thời, bà G đồng ý ly hôn

với ông T2 nên yêu cầu của ông T2 về việc ly hôn với bà G là có căn cứ chấp nhận theo Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Ông T2 đồng ý để cho bà G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 10/04/2023, giới tính: nữ là sự tự nguyện nên được ghi nhận. Hơn nữa, bà G yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân thì bà G là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N ổn định về vật chất lẫn tinh thần và cháu N dưới 36 tháng tuổi nên chấp nhận yêu cầu của bà G theo quy định tại khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng: Bà G không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Ông T2 yêu cầu chia đôi tài sản chung 10 chỉ vàng 24kara (01 sợi dây chuyền 05 chỉ, 01 chiếc lắc đeo tay 04 chỉ, 01 đôi bông tai 01 chỉ) là có cơ sở chấp nhận, bởi vì: khi kết hôn thì gia đình ông T2 cho bà G và ông T2 10 chỉ vàng 24kara làm tài sản chung để làm vốn làm ăn, tài sản này không phải cho riêng bà G nên đây là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T2 chia đôi tài sản chung 10 chỉ vàng 24kara theo quy định tại các Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Hà Thị Cẩm G, nuôi con chung và chia tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Hà Thị Cẩm G trú tại ấp V, xã V, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông T với bà G là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T với bà G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, bà G cũng đồng ý ly hôn với ông T.

Do đó, ông T yêu cầu được ly hôn với bà G là có căn cứ theo các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Ông T và bà G có một con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 10/4/2023, giới tính: nữ. Ông T đồng ý giao con chung cho bà G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy: Hiện nay, cháu N đang sống chung với bà G và được bà G chăm sóc tốt, cháu N dưới 36 tháng tuổi nên giao cho bà G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp khoản 3, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng

thời, hiện nay bà G cũng có thu nhập nên đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu N.

[3] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về tài sản chung: Ông T yêu cầu chia đôi tài sản chung là 10 chỉ vàng 24 kara là có căn cứ chấp nhận, bởi vì: Đây là số vàng ông T và bà G có được vào ngày tổ chức đám cưới, ông T1 xác định 10 chỉ vàng 24 kara là cho chung ông T, bà G để vợ chồng có vốn làm ăn. Đồng thời, ông Ngô Anh T2 là trưởng tộc họ nhà trai xác nhận khi trình lễ trước mặt hai họ nhà trai, gái thì ông trình bày 10 chỉ vàng 24 kara là cho chung ông T2, bà G.

Bà G đang quản lý 10 chỉ vàng 24 kara nên có nghĩa vụ giao lại cho ông T 05 chỉ vàng 24 kara.

Bà G không đồng ý chia 10 chỉ vàng 24 kara là không có căn cứ chấp nhận như phần nhận định trên.

[5] Về nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản được nhận;

Bà Hà Thị Cẩm G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản được nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, 37, 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Hà Thị Cẩm G.

2. Về con chung: Bà Hà Thị Cẩm G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 10/4/2023, giới tính: nữ.

Ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ giao con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 10/4/2023, giới tính: nữ cho bà Hà Thị Cẩm G nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Nguyễn Minh T không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về tài sản chung:

4.1 Ông Nguyễn Minh T được nhận tài sản: Ông Nguyễn Minh T được nhận 05 chỉ vàng 24 kara do bà Hà Thị Cẩm G giao.

4.2 Bà Hà Thị Cẩm G được nhận tài sản và có nghĩa vụ:

Bà G được nhận 05 chỉ vàng 24 kara.

Bà G có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Minh T 05 chỉ vàng 24 kara.

Vàng không tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

5. Về án phí:

Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí án dân sự sơ thẩm là 3.202.500 đồng (300.000 đồng tiền án phí hôn nhân + 2.902.500 đồng tiền án phí dân sự = 3.202.500 đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0001644 ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng – Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Tây Ninh. Ông T còn phải nộp tiếp số tiền 1.702.500 đồng.

Bà Hà Thị Cẩm G phải chịu 2.902.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực/tỉnh;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Chí Dũng